

SỰ BIẾN ĐỔI TRONG LĨNH VỰC NGÔN NGỮ VÀ GIÁO DỤC Ở NGƯỜI ĐAO XÃ THANH SƠN, HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

ĐẶNG THANH PHƯƠNG

Trong những năm vừa qua, cùng với đà biến đổi chung của các dân tộc và miền núi nước ta, đồng bào Dao ở xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động, Bắc Giang đã có những bước biến đổi nhất định về kinh tế - xã hội, văn hoá. Qua bài viết này, chúng tôi tập trung nêu lên sự biến đổi trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục ở người Dao xã Thanh Sơn.

Xã Thanh Sơn là địa bàn cư trú chủ yếu của hai dân tộc Dao (Thanh Phán) và Kinh (1); với tổng số dân là 2.699 người, trong đó có 22.073 người Kinh, 577 người Dao (chiếm 21,38% tổng số dân toàn xã). Trong số 7 xóm, người Dao sống tập trung ở hai xóm Nậu và Thanh Trung (xóm Nậu chỉ có 3 hộ Kinh, xóm Thanh Trung có 6 hộ Kinh). Riêng xóm Bài lại chỉ có 9 hộ người Dao (trên tổng số 95 hộ).

1.1. Trong lĩnh vực ngôn ngữ, do tính thuần nhất về thành phần dân tộc nên bức tranh song ngữ của xã Thanh Sơn khá đơn giản. Do chủ yếu chỉ có hai dân tộc Dao và Kinh, nên sự phân công chức năng trong giao tiếp ngôn ngữ giữa tiếng phổ thông và tiếng Dao khá rõ ràng. Có thể phân làm ba mô hình giao tiếp. Thứ nhất, ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình, trong phạm vi xóm (kể cả trong các cuộc họp xóm) là tiếng Dao. 100% số hộ dùng tiếng Dao trong gia đình và trong các cuộc họp xóm (bao gồm họp thanh niên, phụ nữ, họp bàn sản xuất). Thứ hai, ngôn ngữ dùng trong phạm vi toàn xã là tiếng phổ thông; chỉ trừ một số hộ ở xóm Mậu còn nói tiếng phổ thông rất khó khăn. Số này tập trung vào nhóm người Dao ở Đá Lửa, Khe Sanh. Họ từ xã Ái Quốc, tỉnh Lạng Sơn chuyển cư đến Thanh Sơn sau cùng. Địa bàn cư trú của họ ở bên kia suối, vừa xa vừa sâu, sống tách biệt với cư dân toàn xã, nên hầu như không có điều kiện để tiếp xúc với tiếng phổ thông. Tiếng phổ thông là ngôn ngữ giao tiếp chung trong toàn xã. Đa số người được phỏng vấn đều cho rằng tiếng phổ thông được dùng khi nói chuyện với người dân tộc khác. Mô hình thứ ba là dùng đồng thời cả tiếng phổ thông và tiếng Dao. Đó là ở các chợ phiên. Chợ phiên ở xã Thanh Sơn là nơi trao đổi, buôn bán hàng hoá không chỉ cư dân trong xã. Nơi đây còn có cả người từ Quảng Ninh sang, từ thị trấn An châu (thị trấn huyện Sơn Động) vào và một vài xã lân cận tới. Bởi vậy mà sự chuyển đổi từ tiếng phổ thông sang tiếng Dao và ngược lại rất uyển chuyển. Kẻ mua người bán, tùy vào đối tượng giao tiếp mà sử dụng tiếng Dao hay tiếng phổ thông. Đôi khi trong các cuộc họp xóm, người Dao cũng sử dụng cả tiếng phổ thông. Có 10% số người được phỏng vấn dùng cả tiếng phổ thông lẫn tiếng Dao trong các cuộc họp xóm. Trong số này có hai cán bộ phụ nữ, một cán bộ đoàn, hai cán bộ xã và ba người có quan hệ hôn nhân với người Kinh. Tất cả số người được hỏi đều muốn con cái mình được học bằng tiếng phổ thông ở trường hợp.

Nét đặc thù trong quá trình biến đổi ngôn ngữ ở người Dao Thanh Sơn là, một mặt vẫn tiếp thu sử dụng tiếng phổ thông ngày càng có chất lượng, mặt khác vẫn lưu giữ được ngôn ngữ của dân tộc mình. Nét riêng này được thể hiện cả trong thực tế lẫn

trong ý nguyện của người Dao nơi đây. Mặt thực tế của vấn đề đã được chúng tôi trình bày ở trên. Còn về ý nguyện của đồng bào với tiếng và chữ của dân tộc mình trong tương lai rất đáng trân trọng. Đối với chữ nôm Dao, mặc dù trên thực tế chỉ còn rất ít người biết loại chữ này (chủ yếu họ là nam giới cao tuổi hoặc thầy cúng, và một vài thanh niên được ông hoặc bố truyền lại cho), song khi được hỏi có đến 80% người vẫn muốn bản thân mình và con cháu mình được học chữ nôm Dao. Một điều lý thú là số người này chủ yếu lại rơi vào số thanh niên có trình độ học vấn hết cấp trung học cơ sở và phụ nữ ở độ tuổi trung niên. Phải chăng có thể lý giải điều này khi liên hệ tới tục cấp sắc cho nam giới và lễ cúng Bàn cổ ở người Dao? Lễ cấp sắc là rất thiêng liêng và cần thiết đối với mỗi người đàn ông Dao. Đây cũng là một nét mới trong quá trình biến đổi về mặt tâm lý dân tộc. Những người thanh niên có học thức tương đối cao, có hiểu biết nhất định về xã hội lại càng muốn giữ lại cái bản sắc riêng của dân tộc mình. Lớp phụ nữ có hiểu biết một chút (do quan hệ tiếp xúc với các dân tộc khác ở bên Quảng Ninh, Hải Phòng, Lục Nam... trong quá trình đi bán thuốc nam) cũng có quan niệm như vậy. Càng đi nhiều càng chứng kiến những biến động ngoài xã hội, họ càng thiết tha con cháu mình giữ được "đất lề quê thói". Tuy có nguyện vọng chữ nôm Dao được truyền lại cho lớp người sau, nhưng đồng bào đều cho rằng chỉ nên giới hạn dạy trong phạm vi gia đình, dòng họ, thôn xóm mà thôi. Không một ai đặt vấn đề đưa chữ nôm Dao vào dạy trong trường phổ thông. Họ cho rằng như vậy sẽ quá công kênh và phi thực tế.

Một nét tâm lý nữa ở người Dao Thanh Sơn là rất muốn người Kinh và các dân tộc khác sinh sống cùng với mình biết nói tiếng Dao. Trong số những người được hỏi, chỉ có 5 người cho rằng người Kinh không cần thiết phải nói được tiếng Dao, đều thể hiện một ý nguyện chung: Để hiểu biết nhau hơn, hoà thuận với nhau trong một cộng đồng.

Khi đề cập tới vấn đề quan hệ dân tộc thể hiện qua ngôn ngữ, chúng tôi cũng tiếp nhận được một nét mới ở đồng bào Dao Thanh Sơn, đặc biệt là ở giới trẻ. Đó là cách xử lý vị trí của tiếng Dao và tiếng phổ thông "khi có người Kinh trong cuộc trò chuyện". Trong trường hợp này, họ có cách xử lý khéo léo giữa một bên là thực tế sử dụng và một đằng là "trả lời câu hỏi". Bởi khi có mặt chúng tôi - người Kinh - trong cuộc nói chuyện, đa số họ vẫn nói chuyện với nhau bằng tiếng Dao. Nhưng khi trả lời trên phiếu họ lại trả lời "dùng tiếng phổ thông" khi có mặt người Kinh trong cuộc trò chuyện. Khi chúng tôi thắc mắc thì được họ giải thích, nếu có người Kinh có mặt trong cuộc nói chuyện mà nói chuyện với nhau bằng tiếng Dao là bất lịch sự. Một số khác lại cho rằng, nếu nói chuyện với nhau bằng tiếng Dao, thì người nói cần dịch nội dung ra tiếng phổ thông cho người dân tộc Kinh có mặt tại đó hiểu được câu chuyện. Dù sao đi nữa thì cả hai cách ứng xử trên đều thể hiện thiện chí của người Dao đối với người Kinh.

Một chuyển biến nữa không thể bỏ qua là sự hoà nhập của người Dao vào không khí đổi mới chung của cả nước, vào cơ chế thị trường hiện nay. Sự hoà nhập này đã được thể hiện qua ngôn ngữ. Tình trạng "ngăn sông cấm chợ" được xoá bỏ đã tạo điều kiện cho người Dao Thanh Sơn mở rộng quan hệ buôn bán ra ngoài phạm vi huyện, tỉnh, đặc biệt là với phụ nữ Dao. Họ sang Quảng Ninh, Hải Phòng, về thị xã Bắc Giang, Bắc Ninh... để bán thuốc nam và một vài sản vật của rừng núi. Ngược lại số người ngoài xã, huyện đến Thanh Sơn để mua hàng ngày càng nhiều. Vì vậy việc biết tiếng phổ thông càng cần thiết hơn. Khi chúng tôi phỏng vấn 50 người từ 18 - 70 tuổi, có đến 41 người đưa mục đích biết tiếng phổ thông để buôn bán lên hàng đầu. Các thang bậc khác như biết tiếng phổ thông để nghe đài, xem ti vi, và để học tập, v.v...

đều được xếp ở các vị trí thấp hơn.

1.2. Sự biến đổi trong lĩnh vực ngôn ngữ ở Thanh Sơn chịu ảnh hưởng không nhỏ của các yếu tố địa lý, mật độ thành phần dân tộc của dân cư, trình độ phát triển kinh tế và trình độ học vấn. Qua tìm hiểu ở ba xóm liền kề nhau (có người Dao sinh sống) cùng nằm trên một trục đường giao thông chính trong xã, đã cho thấy mức độ biến đổi về ngôn ngữ là rất khác nhau. Xóm Bài nằm gần trung tâm xã, trong 95 hộ gia đình chỉ có 9 hộ người Dao (chiếm 9,7% so với tổng số cả xóm). Quả là con số ít ỏi. Chín hộ này là sự phát triển từ ba bộ gốc ban đầu; trong đó có tới 7 hộ chồng Dao, vợ Kinh. Ngôn ngữ dùng trong 7 hộ này là tiếng phổ thông. Hai hộ còn lại có dùng cả tiếng Dao, song không phải là thường xuyên. Trong số 4 người đàn ông thuộc thế hệ thứ nhất chỉ có một ông còn nói thành thạo tiếng Dao. Ba ông còn lại chủ yếu chỉ nghe được tiếng Dao, còn nói thì rất ngượng nghịu, mặc dù hai trong ba ông này vẫn có quan hệ họ hàng bên ngoại với họ Triệu bên Thanh Trung. Như vậy sự biến đổi ngôn ngữ ở người Dao xóm Bài đã diễn ra theo hướng đơn ngữ - mất dần ngôn ngữ của dân tộc mình. Đi đôi với sự mất dần tiếng Dao là sự mất hẳn của nền văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của người Dao ở xóm này. Trong 9 hộ trên không còn giữ được một bộ y phục nào của phụ nữ Dao. Các hộ này làm cúng giỗ như hộ người Kinh. Liền kề xóm Bài là xóm Thanh Trung. Xóm này chỉ có 6 hộ người Kinh, còn lại là các hộ người Dao. Đây là xóm có mô hình song ngữ lý tưởng. Tiếng phổ thông và tiếng Dao cùng tồn tại và cùng phát triển theo hướng bổ sung cho nhau. Lớp thanh niên từ 18-30 tuổi và nam giới ở lứa tuổi trung niên (từ 30-35 tuổi) đều nói tiếng phổ thông khá sõi, không có hiện tượng nhầm lẫn hệ thống âm vị của hai ngôn ngữ. Loại từ chính trị và khoa học kỹ thuật được họ sử dụng đúng chỗ và chuẩn xác. Ở phái nữ lứa tuổi trung niên và người già còn diễn đạt ý chậm chạp và có cách phát âm nặng nề. Tiếng Dao được dùng trong mọi lĩnh vực giao tiếp. Một số nam giới còn nói được cả tiếng Hoa.

Nối liền xóm Thanh Trung về cuối xã là xóm Nậu. Về địa dư xóm Nậu chia làm hai khoảng, ở bên này suối và ở bên kia suối. Khoảng bên này suối nằm trên trục đường xã, gần với trục đường đi sang huyện Lục Nam (Bắc Giang). Khoảng bên kia suối gần khe núi sâu và là đường mòn đi bộ sang Quảng Ninh. Số người Dao ở bên này suối đã định cư ở đây từ lâu đời. Còn nhóm người Dao ở Đá Lửa, Khe Sanh bên kia suối vẫn bán du canh du cư. Họ chủ yếu là nhóm người từ xã ái Quốc (Lạng Sơn) đến Thanh Sơn về sau này. Cứ nay đi ái Quốc, mai về, rồi lại đi; do vậy tình trạng thất học của nhóm người này cao, việc tiếp xúc với người Kinh còn hạn chế. Do có sự khác nhau về tính ổn định cư trú và địa; ý như vậy, nên ngay trong phạm vi hẹp một xóm như xóm Nậu, sự biến chuyển về mặt ngôn ngữ cũng đi theo hai hướng khác nhau. Khoảng bên này suối có mô hình ngôn ngữ giống xóm Thanh Trung, nghĩa là mô hình song ngữ hai chiều lý tưởng. Y phục của phái nữ ở đây chỉ được dùng vào dịp lễ hội hoặc khi đi bán thuốc nam ngoài huyện. ở Đá Lửa và Khe Sanh thì sự biến đổi về ngôn ngữ diễn ra vô cùng chậm chạp. Tiếng phổ thông chưa có vị trí ở đây. Phụ nữ ở đây vẫn dùng y phục Dao hàng ngày. Trẻ em lứa tuổi tiền học đường ở xóm Nậu nói tiếng phổ thông khó khăn hơn trẻ em ở xóm Thanh Trung.

2.1. Sự biến đổi trong lĩnh vực ngôn ngữ chịu ảnh hưởng của sự biến đổi trong giáo dục không nhỏ. Có thể nhận thấy ngay điều này, bởi số thanh niên có trình độ học vấn cao hơn thì nói tiếng phổ thông tốt hơn. Nhìn vào quá khứ, số người Dao ở Thanh Sơn biết tiếng phổ thông chủ yếu là do học ở trong trường học của xã. Số rất ít học tiếng phổ thông trong quá trình tiếp xúc ở các môi trường khác. Ngoài ra, qua trao đổi với số thầy cô giáo cũ ở xã thì Thanh Sơn từ lâu đã có hình thức dạy theo từng phân lớp nhỏ (mới chỉ dạy đến hết lớp 4). Hiện nay cả xã đã có một trường phổ thông cơ sở ở ngay

trung tâm xã (không có lớp 9) và 5 phân trường đóng tại 6 xóm, dạy từ lớp 1 đến lớp 4. Riêng 2 xóm người Dao sống tập trung như Thanh Trung và Nậu đã có 7 lớp dạy từ lớp 1 đến lớp 5. Trong năm học 1995-1996 cả trường có 871 học sinh, trong đó cấp trung học cơ sở có 139 em, số học sinh Dao ở cấp này gồm 22 em, chiếm tỷ lệ 15,8%. Độ tuổi lớn nhất của học sinh là sinh năm 1977. Như vậy có nhiều em 10 tuổi mới bước vào lớp 1. Về chất lượng học tập, theo nhận xét của đội ngũ giáo viên thì trình độ tiếp thu kiến thức của học sinh Dao không thua kém gì các em người Kinh. Khi xem tập bài kiểm tra môn Sử và môn Toán của lớp 4 ở xóm Thanh Trung (toàn học sinh Dao) thấy các em mắc rất ít lỗi chính tả. Chỉ có một em nhầm lẫn giữa âm "p" và "ph". Hai em viết chữ "quyên" thiếu âm "y", hai em nhầm "Tr" thành "Ch". Thực ra những lỗi này ta gặp rất nhiều ở học sinh cấp phổ thông cơ sở trong cả nước. Chỉ khi đụng tới kiến thức có phần xa lạ với các em là nói về "nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin" thì cả lớp viết sai cụm từ trên, trừ một em viết đúng. Khi chúng tôi trò chuyện với một số học sinh, các em tỏ ra cởi mở, bạo dạn. Các em đều ham học và muốn được học tiếp lên cao nữa. Tuy nhiên các em vẫn tỏ ra lo lắng, vì khó có thể thực hiện được ước muốn này. Từ nơi xa nhất ở cuối xóm Mậu đến trung tâm xã phải đi bộ mất 15 km, chưa kể vào mùa đông rét buốt và những khi lũ lụt. Đây cũng là điều trăn trở của cán bộ xã và của cha mẹ học sinh. Họ mong muốn ở Thanh Sơn có được một đội ngũ giáo viên đủ để mở trường cấp phổ thông cơ sở tại mỗi xóm, tránh cho các cháu nhỏ khỏi phải đi quá xa. Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn mong muốn thành lập một trường phổ thông trung học cho 4 xã liền nhau là Bồng Am, Tuấn Đạo, Thanh Sơn và Thanh Động. Được như vậy con em người Dao Thanh Sơn mới có điều kiện học lên cao.

2.2. Qua phỏng vấn hai đối tượng là các bà mẹ Dao và lớp thanh niên Dao ở Thanh Sơn, chúng tôi nhận hai luồng thông tin hơi ngược nhau. Hai mươi bà mẹ Dao ở xóm Mậu và Thanh Trung trong câu chuyện của mình, không một ai không đề cập tới mặt học hành của con cái mình. Họ cùng có một ước muốn con em mình được học hành tử tế, ít nhất là hết cấp phổ thông cơ sở (với nữ) và hết cấp trung học cơ sở (với nam). Riêng các bà mẹ ở xóm Mậu đã đề nghị mở trường phổ thông cơ sở ngay tại xóm. Một số mong con mình học cao không phải để đi làm cán bộ, mà để có kiến thức làm ăn và sống tử tế với gia đình, vợ con, làng xóm. Đây chính là một nếp nghĩ mới của phụ nữ Dao Thanh Sơn. Tuy nhiên tất cả đều băn khoăn vì tiền sách giáo khoa quá lớn. Đa số họ phải mua sách ở thị trường tự do. Việc các gia đình Dao ở đây phải chi phí một khoản tiền vài chục nghìn cho một cháu trong một năm học là vô cùng khó khăn.

Trong khi đó lớp thanh niên lại không có ước muốn học lên cao. Cả hai xóm Mậu và Thanh Trung chỉ có hai em gái học Cao đẳng và Đại học, hai em trai học hết phổ thông trung học. Bởi các em cho rằng, người học cao chẳng hơn gì người ít học. Học cao rồi không xin được việc làm, lại về nhà đi cà! Chi bằng cứ ở nhà làm ăn mà có tiền tiêu lại được sống gần gia đình.

Quá trình phát triển của văn hoá tinh thần luôn gắn liền với sự phát triển của văn hoá vật chất, có tác động không nhỏ tới văn hoá vật chất. Việc giáo dục và phát triển ngôn ngữ là một trong những biện pháp cần thiết để phát triển văn hoá dân tộc. Mà ở đây cần hiểu việc giáo dục và phát triển ngôn ngữ bao gồm cả sự phát triển tiếng Việt lẫn tiếng dân tộc ít người. Trong đó, các cơ quan chính quyền cấp huyện, xã có vai trò quan trọng trong việc thực thi những chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển ngôn ngữ các dân tộc nói chung và dân tộc Dao trong cả nước nói riêng.

Chú thích

(1). Số dân Tày, Nùng và Cao Lan chỉ có 39 người trong toàn xã